

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI GIÁY TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang)

VŨ TUYẾT LAN

Ở Việt Nam, hôn nhân vốn được coi là một thành tố văn hóa quan trọng, thể hiện bản sắc tộc người sâu sắc. Do đó, cũng giống như văn hóa, hôn nhân không bất biến. Trước sự biến đổi của các điều kiện kinh tế - xã hội, sự biến đổi của khung cảnh và các không gian tộc người và các mối liên hệ, cùng với quá trình quản lý của mỗi nhà nước, quốc gia ở các cấp độ, hôn nhân ở các tộc người thiểu số, trong đó có người Giáy, đã và đang có những biến đổi nhanh chóng.

Bài viết này trình bày về những biến đổi chính trong hôn nhân của người Giáy đặt trong bối cảnh kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội đương đại của hai thôn Bản Ngàn (xã Kim Linh) và thôn Lang Lâu (xã Phú Linh) thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Tác giả không có ý định đo lường sự biến đổi trong hôn nhân của người Giáy mà chỉ muốn mô tả những biến đổi nổi bật trong sự so sánh với những gì tồn tại trong truyền thống. Trong bài viết này, mốc thời gian được sử dụng để mô tả sự biến đổi là khi Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1992 được ban hành.

1. Biến đổi quan niệm về hôn nhân và tiêu chí kết hôn

Hiện nay, quan niệm về hôn nhân đã thay đổi. Hôn nhân không còn là mối quan

hệ trao đổi giữa hai bên gia đình do cha mẹ sắp đặt như trước đây. Các ý nghĩa khuôn mẫu truyền thống trong hôn nhân đã được thay thế bởi sự tự do tìm hiểu, thể hiện tình cảm và lựa chọn bạn đời. Hôn nhân trước đây có thể nhằm phục vụ các lợi ích của gia đình, dòng họ để tăng thêm sức mạnh hay nguồn nhân lực cho gia đình, dòng họ. Becker (1974) dùng lăng kính kinh tế vĩ mô để soi rọi ý nghĩa, quan niệm hôn nhân. Hôn nhân theo đó được nhìn nhận như một sự trao đổi về lợi ích, tức là hai bên gia đình, cá nhân khi tham gia vào đó đều mong muốn đạt được những lợi ích có thể có trong hôn nhân. Hay nói một cách khác, hôn nhân là nhằm tạo thêm lợi ích cho cá nhân, gia đình, dòng họ. Sự có lợi này không chỉ hiểu ở góc độ kinh tế mà còn cả ở khía cạnh tinh thần, tình cảm và những yếu tố phi vật chất khác như vị thế xã hội, danh tiếng. Trong các xã hội truyền thống, sự quyết định của cá nhân phụ thuộc vào sự quyết định của gia đình, dòng họ vì các khuôn mẫu sống, sinh kế và chuẩn mực đạo đức gắn liền với gia đình dòng họ. Vì vậy, hôn nhân là sự trao đổi kết hợp giữa hai cá nhân nhưng thực chất là giữa hai gia đình, dòng họ và cần phải do gia đình, dòng họ quyết định.

Hôn nhân ở người Giáy trước năm 1975 cũng diễn ra theo khuôn mẫu sắp đặt của cha mẹ, gia đình theo các tiêu chí về sức khỏe thể chất của con dâu/con rể, điều kiện kinh tế - xã hội của hai bên gia đình. Chẳng hạn, khi nhà gái chọn chồng cho con gái, họ thường để ý đến của cải, đất đai và số lượng con trai của nhà trai. Nếu nhà có nhiều con trai thì sẽ không có nhiều đất đai, của cải để chia cho các con sau khi cưới. Vì thế, những gia đình có nhiều con trai không phải là một tiêu chí ưa thích của các gia đình có con gái. Nếu gia đình nhà gái quá ưng người con trai đó thì họ sẽ yêu cầu nhà trai đồng ý để họ cưới chàng trai làm “rể đời”. Khái niệm tình yêu lứa đôi hay tình cảm cá nhân trong việc kết hôn hầu như không được nhận diện. Chỉ có các khuôn mẫu, chuẩn mực đã định sẵn và buộc các cá nhân phải tuân theo sự sắp đặt đó. Các khuôn mẫu và chuẩn mực này dần thay đổi khi các quyền tự do cá nhân ngày càng được nâng lên. Khi đó, các cá nhân dám đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của gia đình, dòng họ nếu những lợi ích này không trùng khớp với nhau. Cá nhân đưa ra quyết định kết hôn dựa trên mối quan tâm và ý thích của mình chứ không phải là do cha mẹ sắp đặt. Tuổi kết hôn cũng thay đổi tùy vào ý muốn chủ quan của cá nhân chứ không phải theo khuôn mẫu về tuổi kết hôn theo truyền thống nữa.

Có rất nhiều nguyên nhân tạo ra những biến đổi trong quan niệm về hôn nhân và tuổi kết hôn. Nhìn chung, khi cá nhân, một cách chủ quan hay khách quan, bị tách khỏi các mối ràng buộc với cộng đồng, gia đình, dòng họ, họ sẽ có những quyết định hôn nhân cho riêng mình, dựa trên tâm lý, tình cảm cá nhân. Theo lời một thông tin

viên, ông với vợ ông quen nhau vào năm 1979 - năm xảy ra cuộc chiến tranh biên giới, khi tham gia huấn luyện dân quân. Vợ ông là người cùng xã. Họ quen nhau và tìm hiểu được hơn 1 năm thì quyết định kết hôn. Cuộc hôn nhân này, theo ông, “hoàn toàn dựa trên tình cảm cá nhân chứ không phải do cha mẹ tìm kiếm cho hay sắp đặt gì cả” (Nam, sinh năm 1963, thôn Lang Lầu, xã Phú Linh, tháng 6/2016). Kết quả thảo luận nhóm (TLN) cán bộ xã Phú Linh cũng cho thấy các thông tin tương tự về xu hướng kết hôn theo tình yêu nam nữ cũng ngày càng phổ biến khoảng một hai thập kỷ gần đây. “Hơn chục năm gần đây, thanh niên lấy vợ, lấy chồng đều là tự do tự tìm hiểu chứ cha mẹ không can thiệp được gì cả” (TLN cán bộ xã Phú Linh, tháng 6/2016). Ví dụ trên cho thấy, chiến tranh dường như là một sự kiện tạo nên những biến chuyển không gian của những người trẻ. Một không gian mới với những thực hành và các mục đích phục vụ chiến tranh đã quy tụ những người trẻ lại để họ có cơ hội gặp gỡ và tìm hiểu nhau, rồi nảy sinh tình yêu. Những không gian mới như vậy đang ngày càng được tạo ra một cách chủ quan hay khách quan theo những biến chuyển của kinh tế - xã hội. Chính những không gian này đã tách dần những người trẻ ra khỏi môi trường gia đình, khỏi “lũy tre làng”, thiết chế dòng họ với các chuẩn mực trói buộc; họ được tự do tìm thấy và hiểu rõ tâm tư tình cảm của bản thân mình.

Elder (1987), với cách tiếp cận chu trình cuộc sống (Lifecourse perspective), đã chỉ ra rằng hành vi của con người bị tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau như sinh học, xã hội, văn hóa, kinh tế và nhân khẩu. Cuộc sống của một cá nhân có liên hệ chặt

chẽ với những người xung quanh mà cá nhân đó giao tiếp. Như vậy, những biến động trong cuộc sống của cha mẹ, họ hàng, bạn bè có thể tác động đến cuộc sống của cá nhân và làm thay đổi các quyết định hôn nhân của người đó. Trường hợp của thông tin viên nêu trên, ông sinh ra trong một gia đình có cha mẹ làm cán bộ tỉnh. Bản thân ông được thừa hưởng nền giáo dục gia đình của cha mẹ vốn là những người đã không bị ràng buộc ít nhiều bởi những chuẩn mực xã hội truyền thống. Chính vì vậy, những trường hợp kết hôn dựa trên tình yêu đôi lứa như ông vào thời đó chưa phổ biến trong cộng đồng, xã hội khi đa số dân cư vẫn chỉ làm nông nghiệp và gắn chặt với các khuôn mẫu truyền thống.

Hiện nay, tại cộng đồng của người Giáy ở huyện Vị Xuyên, cơ cấu nghề nghiệp đã thay đổi, phần lớn thanh niên không sống trong làng mà đi ra ngoài tìm kiếm công việc, làm thuê ngoài xã, tỉnh, huyện hoặc xuyên biên giới. “Hiện nay người Giáy đi làm ăn xa tứ phương” (TLN cán bộ xã Phú Linh, tháng 6/2016). Đây cũng là một xu hướng đang ngày càng trở nên phổ biến ở xã Kim Linh và Phú Linh. Điều này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến xu hướng tìm kiếm việc làm của người Giáy trong tương lai.

Tỷ lệ sản xuất nông nghiệp giảm dần trong cơ cấu kinh tế của địa phương làm giảm nhu cầu về nhân lực cho ngành này. Vì vậy, các gia đình cũng không còn bảo lưu quan niệm lấy dâu, rể về để có thêm lao động. Trong khi đó, cơ cấu kinh tế phi nông nghiệp ngày càng chiếm ưu thế và thu hút nhiều lao động trẻ. Khi không thể có được việc làm tại

quê hương, họ sẽ tìm kiếm các cơ hội việc làm tại các địa phương khác. Một lần nữa, không gian nghề nghiệp mới được mở ra trong một bối cảnh không gian xã hội cũng hoàn toàn mới của nơi đến khi thanh niên đi làm ăn xa. Thanh niên có cơ hội tiếp xúc, tìm hiểu lẫn nhau, sau đó sẽ giới thiệu với cha mẹ để chuẩn bị chuyện cưới xin.

Sự phát triển và phổ biến của công nghệ thông tin liên lạc đến mọi góc ngách của những nơi heo hút nhất đã làm cho sự kết nối của các cá nhân trở nên dễ dàng hơn. Phần lớn thanh niên người Giáy hiện nay đều có điện thoại di động và kết nối với mạng xã hội của mình. Công nghệ là biểu tượng của tính hiện đại và tân thời đã trở thành một tiêu chí để gán nhãn cho các cá nhân. Một người không biết, không có điện thoại di động với mạng xã hội, hiểu và nghe những sản phẩm văn hóa hiện đại (như nhạc trẻ) thì sẽ bị coi là lạc hậu. Những yếu tố được coi là lạc hậu không lâu nữa sẽ biến mất trong mối quan tâm và sự ưa thích của thế hệ trẻ nói chung và thanh niên người Giáy nói riêng. Như vậy, khuôn mẫu chọn bạn đời truyền thống cũng đang dần được thay thế bởi những khuôn mẫu mới phản ánh thời đại.

Sự can thiệp của hệ thống pháp luật, định chế đã có tác động không nhỏ đến sự điều chỉnh quyết định kết hôn của người Giáy. Tuổi kết hôn theo quy định của Luật pháp là 20 đối với nam và 18 đối với nữ. Vì vậy, tuổi kết hôn hiện nay của người Giáy ở địa bàn nghiên cứu cũng dao động xung quanh tuổi kết hôn ấy. Những trường hợp kết hôn trước tuổi quy định sẽ bị phạt theo

quy định của pháp luật, làm giảm đáng kể nạn tảo hôn cho dù nạn này vẫn tồn tại ít nhiều trong cộng đồng người Giáy.

2. Biến đổi về các nghi lễ trong hôn nhân

Các cuộc TLN và PVS đều cho thấy đám cưới hiện nay của người Giáy rất giống đám cưới của người Tày. Vậy, những gì đã thay đổi trong hôn nhân của người Giáy và sự thay đổi diễn ra như thế nào? Tại hai xã Kim Linh và Phú Linh, người Giáy sống xen lẫn chủ yếu với người Tày, Dao và một số người Hmông di cư đến từ huyện Quản Bạ. Văn hóa của người Tày đã ảnh hưởng nhiều đến văn hóa của người Giáy bởi hai tộc người này xen cư với nhau trong suốt một thời gian dài. Do đó, không dễ để người Giáy nhận diện sự khác biệt trong nghi lễ đám cưới của họ với người Tày vì có quá nhiều nét tương đồng. Bản thân họ cũng không xác định rõ được mình đã trở nên giống người Tày từ khi nào. Họ chỉ biết rằng, những nghi lễ đó là những thực hành văn hóa mà họ vẫn làm từ trước đến nay.

Hiện nay, các nghi lễ trong quy trình tổ chức hôn lễ của người Giáy vẫn được duy trì, bao gồm lễ dạm ngõ, lễ chọn ngày đặt trầu, lễ thư minh, lễ hỏi thư minh, lễ cưới, lễ lại mặt. Trước đây, đám cưới của người Giáy thường kéo dài trong nhiều ngày vì các nghi lễ được thực hiện thông qua “hát quan làng” - hình thức hát đối đáp và là thử thách đối với nhà trai để hát sao cho đúng với các yêu cầu của nhà gái. Do những quy định về thời gian tổ chức hôn lễ theo hương ước mới trong quản lý cộng đồng nên các bước tiến hành những nghi lễ này đã được gộp lại và rút ngắn trong ngày. Chẳng hạn, lễ lại mặt có thể được thực hiện ngay trong ngày cưới chứ không cần chờ đến ngày hôm sau như

trước đây; hay hình thức hát quan làng cũng không còn phổ biến nữa mà thay vào đó là hai bên gia đình trao đổi, nói chuyện.

“Tổ chức đám cưới phải trang trọng, vui tươi, lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, bản sắc văn hóa của từng dân tộc và hoàn cảnh của từng gia đình, đảm bảo yêu cầu tiết kiệm, tránh phô trương hình thức, gây lãng phí, hạn chế cỗ bàn, hạn chế các tục lệ không cần thiết. Khuyến khích tổ chức lễ cưới, hỏi theo nếp sống mới, tổ chức hình thức cưới tiệc trà, văn nghệ và báo hỷ sau ngày cưới thay cho tổ chức tiệc mặn tại gia đình” (Mục 2, Điều 11, Chương IV, Quy ước thôn Lang Lâu, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang năm 2015).

Những quy định về việc cưới trong qui ước quản lý thôn bản như trên nhấn mạnh vào yêu cầu tiết kiệm, tránh phô trương và hạn chế phong tục không cần thiết, đã có tác động không nhỏ đến việc tổ chức hôn lễ của người Giáy. Bên cạnh đó, kinh tế thị trường và hàng hóa đang len lỏi đến mọi vùng miền cùng với tư duy thực dụng đã góp phần làm biến đổi những quan niệm truyền thống về nghi lễ hôn nhân. Sính lễ cưới cũng đơn giản hơn trước đây và phụ thuộc vào khả năng lo liệu của nhà trai, nhưng không được vượt quá số lượng quy định trong hương ước quản lý thôn bản.

Lễ vật để trả công nuôi dưỡng cho bố mẹ cô dâu là yêu cầu quan trọng cần phải có trong sính lễ đám cưới, bao gồm 2 đồng bạc già và 4 đôi hoa tai bạc. Lễ vật này hiện nay có thể thay thế bằng tiền mặt là 2 triệu đồng cho 2 đồng bạc già và 400.000 đồng cho 4 đôi hoa tai. Thậm chí, những lễ vật khác như rượu, thịt, gạo cũng có thể được quy đổi bằng khoản tiền mặt khoảng 10 triệu đồng

cho tất cả các vật phẩm này. Số tiền sinh lễ có sự khác biệt tùy theo đối tượng kết hôn. Chẳng hạn, nếu người Giáy ở xã Kim Linh lấy người Dao ở xã Kim Linh thì sinh lễ tương đương như lấy người Giáy hay người Tày ở đây, tức là sẽ dao động trong khoảng 12 - 15 triệu đồng. Tuy nhiên, nếu người Giáy ở đây lấy người Dao ở xã Cao Bồ (một xã khác thuộc huyện Vị Xuyên), sinh lễ thách cưới sẽ lên tới 60 đồng bạc già (khoảng 60 triệu đồng). Vì vậy, kết hôn giữa những người trong xã được khuyến khích vì “Nếu kết hôn ở gần sẽ giảm được rất nhiều chi phí đi lại và các chi phí sinh lễ” (Nam, sinh năm 1962, dân tộc Giáy, thôn Lang Lâu, xã Phú Linh).

Sinh lễ không chỉ biến đổi sang vật ngang giá chung là tiền mặt mà còn biến đổi về thể loại cho cùng một sinh lễ để phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế của nhà gái hơn là phục vụ các nghi lễ truyền thống. Trước kia, đồ lễ nhà trai mang sang nhà gái phải có 10 sải vải mộc (khoảng 1,5m/sải). Vải mộc này sẽ được đưa cho mẹ cô dâu để sau này khi cha mẹ cô dâu mất, sẽ dùng để lót áo quan. Hiện nay, loại vải mộc này thường được thay bằng vải đen đẹp để gia đình cô dâu có thể dùng vào việc may quần áo tân thời mặc hàng ngày.

Một xu hướng biến đổi dễ dàng nhận thấy và ngày càng được ưa thích trong cộng đồng người Giáy khi tổ chức đám cưới hiện nay là trang phục cưới. Trang phục cưới truyền thống đang dần được thay thế bằng chiếc váy cưới trắng tân thời theo phong cách phương Tây. Trang phục cưới này rất phổ biến theo nhóm nghề nghiệp và lứa tuổi. Những người làm cán bộ, có mối quan hệ rộng và những người trẻ đã đi làm ăn xa

thường có xu hướng không sử dụng trang phục cưới truyền thống hoặc chỉ sử dụng khi thực hiện nghi lễ cúng tổ tiên. Đến khi tiếp khách, cô dâu và chú rể sẽ thay trang phục cưới tân thời. Trong quan niệm hiện nay của người Giáy, trang phục áo cưới kiểu này là biểu trưng cho tính hiện đại, tân tiến, còn trang phục cưới truyền thống được coi là lỗi thời.

Sự chuyển đổi từ chiếc áo cưới truyền thống sang chiếc váy cưới trắng hiện đại không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về mẫu trang phục mặc trong ngày cưới mà sâu xa hơn là nó đã làm mất giá trị tinh thần của chiếc áo cưới truyền thống. Trước đây, chiếc áo cưới là do cô dâu tự làm trong một thời gian dài, thể hiện tình cảm của mình. Chiếc áo cưới được cô dâu mặc trong ngày cưới, bước về nhà chồng làm lễ trước bàn thờ tổ tiên ở nhà chồng để được tổ tiên nhận diện và công nhận là một thành viên của gia đình. Từ đây, cô dâu được công nhận là con cháu của tổ tiên nhà chồng, được tổ tiên che chở, bao bọc. Chiếc áo cưới này sẽ là kỷ vật của cô dâu trong ngày cưới, sẽ được cất giữ cẩn thận và chỉ mặc trong những dịp trọng đại của đời người. Khi cô ấy qua đời, cô ấy sẽ được mặc chiếc áo ấy để tổ tiên nhận diện và đưa cô ấy về thế giới bên kia. Chiếc áo cưới truyền thống không còn xuất hiện trong đám cưới của người Giáy có nghĩa là một phần ý nghĩa biểu tượng và tâm linh liên quan đến nhân sinh quan, thế giới quan của người Giáy cũng đã biến đổi.

Một trong những thực hành văn hóa không thể thiếu được trong đám cưới của người Giáy trước đây là hát quan làng thì hiện nay gần như biến mất. Có rất nhiều lý do cho sự biến mất này. Hát quan làng mang

tính dân gian vốn là hình thức hát đối đáp trong các sự kiện có sự tham gia của cộng đồng như lễ tết, đám cưới, đám ma; là cách thể hiện tâm tư tình cảm của người với người, cha mẹ với con cái, con cháu với ông bà tổ tiên. Đặc biệt, trong lễ cưới trước đây, các cuộc trao đổi trò chuyện giữa hai bên gia đình và những dặn dò của cha mẹ hai bên với cô dâu, chú rể đều thông qua những bài hát quan làng ý nghĩa và đi vào lòng người. Vì vậy, hát quan làng phù hợp và tồn tại khi nó được thực hành trong không gian văn hóa và tinh thần của nó - làng bản, nhà sàn, bếp lửa, cầu thang... Hiện nay, các đám cưới đều được tổ chức theo phương châm đơn giản, tiết kiệm và không kéo dài nên không gian tổ chức đám cưới thường tập trung ở một địa điểm rộng có phong bật, hệ thống loa và âm thanh hiện đại. Như vậy, không gian đó sẽ không còn phù hợp với hát quan làng.

3. Biến đổi hình thức hôn nhân

Hiện nay, diện tích đất sản xuất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp trong khi dân số ngày càng tăng, dẫn đến tình trạng dư thừa lao động nhàn rỗi. Bên cạnh đó, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáp ứng được nhu cầu cuộc sống và các chi phí đầu tư. Điều này đã khiến người dân chuyển đổi các khuôn mẫu nghề nghiệp và mở rộng phạm vi tìm kiếm cơ hội việc làm ra ngoài thôn bản, làng xã, huyện, tỉnh, thậm chí ra ngoài lãnh thổ quốc gia. Các doanh nghiệp từ Thái Nguyên, Bình Dương, Bắc Giang cũng tìm đến địa phương để tuyển lao động. Song, các yêu cầu công việc này không được người Giáy lựa chọn vì thu nhập không đáp ứng mong đợi, kỷ luật lao động chặt chẽ. Bên cạnh đó, trình độ, tay nghề của người dân cũng không đáp ứng

được yêu cầu của người tuyển dụng. Do đó, người Giáy thường làm thuê xây dựng theo thời vụ ở trong tỉnh. Nhu cầu xây dựng trong tỉnh hiện nay đang rất dồi dào, đảm bảo đủ việc làm cho họ với mức lương như sau: nếu là thợ xây thì sẽ được khoảng 200.000 đồng/ngày/người, còn nếu là phụ hồ thì sẽ được khoảng 150.000 đồng/người/ngày cộng với cơm nuôi ba bữa/ngày. Nếu đi làm thuê trong xã thì cả nam và nữ đều đi làm và có thể đi về trong ngày. Như vậy, phụ nữ vẫn có thể chăm sóc con và gia đình. Nếu đi làm thuê ngoài xã thì chỉ có nam giới đi. Trong thôn hầu hết nhà nào cũng có người đi làm thuê, trung bình 6 - 7 tháng/người/năm (Trưởng thôn Lang Lâu, xã Phú Linh, tháng 6/2016).

Như vậy, các khuôn mẫu nghề nghiệp được và chưa được ưa thích hiện nay trong cộng đồng người Giáy đang mở ra các xu hướng nghề nghiệp mới cho giới trẻ và các không gian mới để họ lựa chọn đối tượng kết hôn. Những thanh niên đi làm ăn xa thường có xu hướng lấy chồng, lấy vợ nơi khác. Nhất là đối với nữ đi làm ăn xa, rất hiếm trường hợp quay về quê lấy chồng. Nam đi làm ăn xa lấy vợ nơi khác nhưng sau đó vẫn quay trở về quê để ổn định cuộc sống. Sau khi kết hôn, người phụ nữ sẽ ở nhà để chăm sóc con cái và làm nông nghiệp còn người đàn ông vẫn tiếp tục công việc làm thuê để nâng cao thu nhập cho gia đình.

Trước đây, khi không gian sống của người Giáy chưa mở rộng, tâm lý kết hôn với người cùng dân tộc được ưa thích trong cộng đồng vì cùng tiếng nói, cùng văn hóa sẽ dễ hiểu nhau hơn. Hiện nay, thanh niên người Giáy không quá chú ý đến tiêu chí kết hôn cùng dân tộc, mà quan tâm nhiều hơn

đến hình thức. Do đó, người Giáy không chỉ kết hôn với người Tày (phổ biến), người Dao mà còn kết hôn với cả người Hmông. Trước đây, người Giáy không thích kết hôn với người Hmông vì người Hmông có phong tục làm ma khô không phù hợp với nhân sinh quan và thế giới quan của người Giáy. Tuy nhiên, với những dân tộc có trình độ kinh tế - xã hội thấp hơn người Giáy ở địa phương như người Dao, Hmông, khi kết hôn với người Giáy, họ sẽ phải theo các phong tục của người Giáy. Song, những trường hợp kết hôn với người dân tộc khác thì các nghi lễ hôn nhân truyền thống của người Giáy cũng bị giản lược rất nhiều. Như vậy, hôn nhân hỗn hợp dân tộc cũng góp phần làm biến đổi các nghi lễ hôn nhân truyền thống của người Giáy.

4. Tác động của chính sách đến sự biến đổi trong hôn nhân của người Giáy

Trong lịch sử, những chuẩn mực trong nghi thức hôn nhân cũng được quy định chặt chẽ trong pháp luật hoặc các văn bản dưới luật của Nhà nước. Đến thời hiện đại, Luật Hôn nhân và Gia đình của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã được Quốc hội thông qua và Chủ tịch nước công bố vào năm 1960. Tiếp đó, bộ luật này tiếp tục được sửa đổi trên cơ sở kế thừa và phát triển bộ luật năm 1960, sau đó được phê chuẩn, công bố rộng rãi và áp dụng với mọi đối tượng là công dân Việt Nam sống trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, hành vi kết hôn của cá nhân được chuẩn hóa thông qua hệ thống pháp luật của Nhà nước. Chẳng hạn, Điều 8, Luật Hôn nhân và Gia đình đã ghi: “Việc hôn nhân do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi

vào sổ kết hôn theo nghi thức do nhà nước quy định (...). Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý” (Luật Hôn nhân và Gia đình 1992).

Vấn đề tảo hôn có lẽ sẽ không phải là tâm điểm chú ý trong bối cảnh hiện đại nếu như không có sự xuất hiện quy định về tuổi kết hôn trong Luật Hôn nhân và Gia đình. Cũng tương tự như vậy, đăng ký kết hôn cũng là sản phẩm của xã hội hiện đại. Nguyễn Hữu Minh (2001) cho rằng Nhà nước, các chính sách của Nhà nước dựa trên những chương trình chính trị, các yếu tố hiện đại hóa vận hành qua các cơ chế khác nhau có những ảnh hưởng vừa trực tiếp vừa gián tiếp tới các khuôn mẫu hôn nhân. Luật pháp, chính sách của Nhà nước và các chiến dịch tuyên truyền có liên quan đến hôn nhân đã tác động trực tiếp đến hành vi hôn nhân cá nhân.

Trong xã hội truyền thống trước đây, người Giáy kết hôn từ rất sớm để tăng thêm lao động cho gia đình. Thời kỳ hợp tác xã, khi các quy định pháp luật chưa được giám sát chặt chẽ, đã tạo ra cơ chế khuyến khích người dân kết hôn sớm và có con sớm vì nếu gia đình có thêm người thì được thêm công điểm, thêm thóc, thêm đất.

Trong công cuộc phát triển, nâng cao đời sống kinh tế - xã hội và phát triển con người ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tảo hôn là một vấn đề cần được giải quyết, bởi tảo hôn gây ra những ảnh hưởng tiêu cực cho cá nhân và cộng đồng, đặc biệt là trẻ em gái tảo hôn. Theo một số thông tin viên, nhiều trường hợp tảo hôn ở trẻ em gái của người Giáy là do có thai ngoài ý muốn. Những hệ quả kéo theo như suy giảm thể chất của bà mẹ và thai nhi, cơ hội học tập bị

gián đoạn hay chấm dứt, không có sự chuẩn bị vững vàng cho cuộc sống gia đình và chăm sóc con..., là những nguyên nhân làm trì trệ sự phát triển, tăng nguy cơ đói nghèo, tăng tỷ lệ tử vong ở mẹ và thai nhi, tăng nguy cơ mâu thuẫn gia đình và ly hôn.

Trước đây, việc người con gái có thai trước hôn nhân là điều rất kỵ. Nếu chuyện đó xảy ra, người con gái sẽ bị dân làng đàm tiếu, coi thường và gia đình phải nộp phạt cho làng 30kg thịt. Khi hôn lễ được tổ chức, người con gái không được quỳ lạy trước bàn thờ tổ tiên nhà chồng vì cô gái không còn trong sạch. Nếu quỳ lạy thì cô dâu bị coi là bất kính, thiếu tôn trọng tổ tiên nên sẽ bị tổ tiên quở phạt, gây sảy thai (Nữ, sinh năm 1959, dân tộc Giáy, thôn Bản Ngàn, xã Kim Linh, tháng 6/2016). Hiện nay, việc có thai trước khi cưới không còn là một điều kiêng kỵ trong cộng đồng và việc xử phạt cũng vì thế không được duy trì. Định kiến xã hội đã không còn quá chặt chẽ với việc có thai trước hôn nhân nhưng vẫn giữ nguyên giá trị của nó nếu không kết hôn và đứa trẻ không được thừa nhận vì không có bố. Nếu cả hai bên gia đình vẫn thống nhất tổ chức hôn lễ bình thường thì việc có thai trước hôn nhân không còn là vấn đề quá quan trọng. Trong nhiều trường hợp, hôn lễ không được tổ chức khi người con gái đã mang thai, mâu thuẫn giữa hai bên gia đình cũng từ đó nảy sinh. Mâu thuẫn này sẽ được giải quyết nếu hai gia đình đồng ý tổ chức hôn lễ. Như vậy, có một “sự thỏa thuận ngầm” trong cộng đồng về cách ứng xử với những trường hợp tảo hôn do có thai ngoài ý muốn trong bối cảnh pháp luật hiện nay. Cộng đồng vẫn coi trọng hôn lễ chính thức để xác lập các mối quan hệ mới sau hôn nhân của các cá nhân

trước cộng đồng hơn là thực hiện quy định kết hôn đúng tuổi pháp luật quy định.

Việc quy định tuổi kết hôn trong Luật Hôn nhân và Gia đình nhằm điều chỉnh hành vi kết hôn sớm của các cá nhân trong cộng đồng. Quy định về đăng ký kết hôn ngoài mục đích quản lý về hộ tịch còn là cơ chế giám sát hành vi kết hôn theo đúng độ tuổi quy định của các cá nhân trong cộng đồng. Trên thực tế, những vấn đề phát sinh từ quy định tuổi kết hôn và đăng ký kết hôn đang đặt ra những yêu cầu cần có sự điều chỉnh phù hợp.

Tình trạng tảo hôn nhưng không đăng ký kết hôn vẫn đang tồn tại trong cộng đồng người Giáy tại hai xã Kim Linh và Phú Linh. Hôn lễ chỉ được tổ chức trong cộng đồng để xác định quan hệ vợ chồng của đôi trai gái. Đôi trai gái đã được cộng đồng thôn bản thừa nhận có quan hệ vợ chồng nhưng chưa được pháp luật công nhận vì chưa đăng ký kết hôn. Đôi trai gái sau đám cưới vẫn chung sống như vợ chồng và đợi đến khi đủ tuổi kết hôn mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền xã. Nếu không đăng ký kết hôn thì không thể làm giấy khai sinh cho con. Những đứa trẻ không có giấy khai sinh thì không được hưởng các phúc lợi xã hội về y tế và chăm sóc sức khỏe cũng như các cơ hội giáo dục sau này. Trong trường hợp gia đình vẫn muốn khai sinh cho con thì đứa trẻ sẽ được khai sinh là không có bố. Khi nào đủ tuổi kết hôn, cặp vợ chồng đăng ký kết hôn và làm thủ tục cha nhận con để bổ sung thông tin của người cha vào khai sinh của trẻ. Họ của đứa trẻ cũng có thể được cải chính theo họ cha. Phần lớn những trường hợp này được cộng đồng che giấu và không thông báo cho chính quyền cấp xã.

Theo số liệu thống kê của Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên, trên địa bàn huyện, trong thời gian 2009 - 2013, có 2.187 cặp kết hôn, trong đó có 115 cặp không đăng ký kết hôn¹. Nguyên nhân không phải là do người dân sợ nộp phạt mà vì phần lớn tảo hôn là do người con gái chưa đủ tuổi thành niên (18 tuổi) mang thai ngoài ý muốn. Nếu đăng ký kết hôn thì người con trai sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự vì đã vi phạm pháp luật (Nam, sinh năm 1975, dân tộc Giáy, Trưởng thôn Lang Lầu, xã Phú Linh).

Năm 2002, Hội đồng nhân dân các xã thuộc huyện Vị Xuyên đã xây dựng quy ước hôn nhân cho tất cả các thôn bản dựa trên các quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo đó, mỗi cá nhân sẽ bị xử phạt hành chính không quá 2 triệu đồng cho mỗi vi phạm về hôn nhân. Năm 2008, quy ước này đã bị bãi bỏ và việc xử phạt này cũng không còn được thực hiện nữa. Hiện nay, để ngăn chặn và giảm tình trạng tảo hôn, chính quyền địa phương và thôn bản chỉ đơn thuần sử dụng biện pháp tuyên truyền pháp luật, giáo dục để người dân hiểu thêm. Theo ý kiến của lãnh đạo Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang, việc chấp hành pháp luật của người Giáy hiện nay nhìn chung tốt hơn so với một số tộc người khác trong cùng địa bàn cư trú như người Hmông, Dao, Nùng. Việc tuyên truyền pháp luật được Phòng Tư pháp triển khai kết hợp với cán bộ tư pháp cấp xã và cán bộ thôn. Hàng năm, Sở Tư pháp tiến hành khảo sát về nhu cầu pháp luật của từng xã, rồi cử báo cáo viên xuống địa phương để

tập huấn cập nhật các kiến thức pháp luật khuyết thiếu hoặc chưa được hiểu rõ.

Như vậy, nhìn lại các quy định về hôn nhân và chế tài xử phạt đối với vi phạm từ truyền thống đến hiện tại sẽ thấy sự biến đổi không chỉ trong hôn nhân mà cả trong các chuẩn mực, giá trị xã hội. Trước đây, chuẩn mực giá trị của xã hội là sự trong trắng của người con gái trước hôn nhân và các quy định hướng tới đảm bảo sự bền vững của giá trị cộng đồng. Hiện nay, hệ giá trị này đã thay đổi và hướng trực tiếp tới cá nhân, đảm bảo các quyền tiếp cận với các nguồn lực và quyền phát triển. Tất nhiên, nếu xét đến mục tiêu cuối cùng thì vẫn là vì cộng đồng, xã hội vì cộng đồng sẽ chỉ phát triển và bền vững khi mỗi thành viên trong đó cũng phát triển và bền vững. Song, Luật Hôn nhân và Gia đình với quy định tuổi kết hôn của nam nhiều hơn nữ được áp dụng cho tất cả công dân Việt Nam không tính đến các điểm khác biệt về văn hóa tộc người hay vùng miền trong khi nhiều tộc người thiểu số có tâm lý và xu hướng lấy vợ cùng tuổi hoặc hơn tuổi. Như vậy, dường như các quy định về tuổi kết hôn mâu thuẫn với tâm lý tộc người. Chẳng hạn, nữ đủ 18 tuổi không thể kết hôn với nam 18 tuổi hoặc 19 tuổi vì như vậy sẽ là tảo hôn. Vì vậy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên đã đề xuất kiến nghị điều chỉnh quy định tuổi kết hôn giữa nam và nữ đều là 18 tuổi để giảm bớt tỷ lệ tảo hôn.

Tuy nhiên, những đề xuất tương tự như trên cũng chỉ là cách giải quyết về con số. Vấn đề mấu chốt là cần có chiến lược truyền thông, giáo dục hiệu quả, hướng vào các nhóm đối tượng. Việc tuyên truyền liên quan đến tảo hôn, hôn nhân cận huyết và

¹ Báo cáo tình hình tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2009 - 2013, Ủy ban dân dân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

đăng ký kết hôn hiện nay chưa hiệu quả ở địa phương cho dù mỗi tháng một lần, cán bộ tư pháp xã xuống họp thôn để tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật. Trong các buổi tuyên truyền đó, thường chỉ có chủ hộ tham gia và sau đó chủ hộ sẽ truyền đạt lại tới các thành viên trong gia đình. Bên cạnh đó, đa số người dân chỉ tham gia cho có mặt chứ không chú ý lắng nghe để tiếp thu các thông điệp được truyền tải. Các giải pháp truyền thông cần được phân chia thành nhiều nội dung và hướng tới nhiều loại đối tượng phù hợp. Cộng đồng người Giáy hiện nay đang diễn ra xu hướng phát triển quan hệ dòng họ rất mạnh. Vì vậy, người trưởng họ và thành viên hội đồng dòng họ có vai trò quan trọng và có nhiều ảnh hưởng tới các cá nhân khác trong dòng họ. Do đó, việc tuyên truyền cần hướng tới những đối tượng này trước tiên và khuyến khích họ tham gia vào công tác truyền thông trong cộng đồng, dòng họ.

Kết luận

Hôn nhân truyền thống của người Giáy đang diễn ra nhiều biến đổi dưới tác động của những biến đổi về hệ thống văn hóa, kinh tế, xã hội và chính trị của cộng đồng. Trong hôn nhân của người Giáy, những yếu tố cốt lõi (hát quan làng trong hôn lễ, bộ trang phục cưới truyền thống, nghi lễ xem ngày tổ chức hôn nhân, vai trò

đặc biệt của ông mối và thầy cúng trong hôn nhân) cần được phát huy và lưu giữ để bảo tồn văn hóa tinh thần và giá trị truyền thống của cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Becker, S. Gary (1974), “A Theory of marriage”, in: Theodore W. Schultz (ed.), *Economics of the Family: Marriage, Children and Human Capital*, University of Chicago Press, Pp. 299-344.
2. Cho, Lee-Jay & Moto Yada (1994), “Introduction”, in: Cho, Lee-Jay & Moto Yada, *Tradition and Change in the Asian Family*, East-West Center Honolulu, Pp. 3-18.
3. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Elder, Glen H., Jr. (1987), “Family and Lives: Some development in lifecourse studies”, *Journal of Family History*, Vol. 12, No. 1-3, Pp. 179-199.
5. Nguyễn Hữu Minh (2001), “Một số cách tiếp cận nghiên cứu về hôn nhân”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 4 (76), tr. 14-20.
6. Ngô Thị Thanh Quý (2013), *Nghiên cứu hôn nhân và biến đổi hôn nhân ở Việt Nam: Mấy vấn đề có ý nghĩa lý luận và phương pháp luận*, trên trang http://ihs.vass.gov.vn/noidung/tapchi/Lists/TapChiSoMoi/View_Detail.aspx?ItemID=79